TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2019
V/v *xin ly hôn giữa*
Anh Đ- Chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Minh Đức.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Huề.

Bà Phạm Hải Yến.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Doanh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 279/2018/HNGĐ-ST ngày 03/12/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX-ST ngày 26/12/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa có mặt anh Đ, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng bản tự khai ngày 03/12/2018, nguyên đơn anh Đào Xuân Đ trình bày: Anh và chị Đặng Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xó M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã M và lao động tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2007 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh Đkhai vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Hoài L, sinh ngày 17/9/2003, hiện đang ở với chị T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra, anh đề nghị để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Đ khai vợ chồng không có tài sản chung,không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là chị Đặng Thị T: Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/12/2018 chị T trình bày: Chị xác nhận như lời khai của anh Đ về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị cũng nhất trí ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Hoài L, sinh ngày 17/9/2003, hiện đang ở với chị. Ly hôn xảy ra, chị đề nghị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ là nơi giải quyết vụ kiện, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân xử cho anh Đ được ly hôn chị T vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài. Về quan hệ con chung xử giao con chung Đào Thị Hoài L, sinh ngày 17/9/2003 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Bị đơn có đơn lựa chọn TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ kiện ly hôn, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đào Xuân Đ và chị Đặng Thị T được xác lập trên cở sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/11/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã M và lao động tự do. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Năm 2007 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị được ly hôn chị T. Đối với chị T trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các giấy tờ tố tụng đối với chị T, nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, trong nội dung đơn chị T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn anh Đ. Như vậy chị T không có thiện chí hoà giải mối quan hệ hôn nhân. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh Đ, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đđược ly hôn chị T là có căn cứ.

[3].Về con chung: Xét đề nghị của anh Đ, chị T về nuôi dưỡng con chung cho thấy, con chung hiện đang sinh sống với chị T kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra cả anh Đvà chị T đều nghị giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, cháu L cũng có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được sinh sống cùng với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về giao và nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản: Anh Đvà chị T đều xác nhận không có tài sản và không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy phần tài sản Toà án không xét.

[5].Về án phí: Anh Đphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Xuân Đ được ly hôn chị Đặng Thị T.

2/Về con chung: Xử giao con chung Đào Thị Hoài L, sinh ngày 17/9/2003 cho chị Đặng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/ Về án phí: Anh Đào Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003817 ngày 03/12/2018 thành tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHỏN - CHỦ TỌA PHIờN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC